

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 3 - 2019

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Ông Phạm Xuân Đính

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Mạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham dự phiên tòa:

Ông Trương Văn Sa – kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 387/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 19/02/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1987 (Xin vắng mặt); Địa chỉ cư trú: Số 19/16C Phan Đình P, phường Thành N, thành phố Buôn M, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt); Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 2, xã Minh H, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Văn P kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Điền, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Việc kết hôn do hai người tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa. Sau khi kết hôn được khoảng 05 tháng thì vợ chồng chuyển về sinh sống tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, trước đó

anh P đã có con riêng nhưng không cho chị H biết. Từ tháng 07/2009 chị H đã chuyển về tỉnh Đắk Lắk sinh sống và sống ly thân với anh P từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, qua lại, yêu thương nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H khởi kiện anh P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành giải quyết cho chị H được ly hôn với anh P.

Trong thời gian chung sống chị H và anh P có một con chung tên Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 15/6/2009. Hiện nay con cháu Nhi đang sống chung với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 15/6/2009.

Ngoài ra, chị H không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản tự khai ngày 25/01/2019 và Biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2019 bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh P và chị H kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Điền, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, việc kết hôn do hai người tự nguyện, sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn tại tỉnh Đắk Lắk, sau đó chuyển về sinh sống tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, khi chuyển về tỉnh Bình Phước sinh sống thì vợ chồng pH sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong việc chăm sóc cha mẹ của hai bên và không hợp nhau về tính tình nên cãi vã nhau. Cuối năm 2007 thì chị H chuyển về tỉnh Đắk Lắk sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn qua lại, quan tâm, yêu thương nhau. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh P thì anh P đồng ý ly hôn.

Trong thời gian chung sống anh P và chị H có một con chung tên Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 15/6/2009. Hiện nay cháu Nhi đang sống chung với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 15/6/2009 thì anh P đồng ý.

Ngoài ra, anh P không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt nhưng chị H và anh P có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét

xử nghị án đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, xác định đầy đủ, đúng các nội dung quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Điền, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Vậy, hôn nhân của chị H và anh P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn với anh P và anh P đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Hiện con chung tên Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 15/6/2009 đang sống chung với chị H, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh P cũng đồng ý giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhi. Do đó, việc giao cháu N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung: Không.

Về nợ chung: Không

Như vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn P và giao con chung tên Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 15/6/2009 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và bị đơn anh Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại ấp 2, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước có thẩm quyền giải quyết.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt nhưng chị H và anh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn P kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Điền, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì

đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng pH sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng về quan điểm. Từ năm 2007 cho đến nay chị H và anh P đã sống ly thân, không còn qua lại, quan tâm, yêu thương nhau. Quá trình giải quyết vụ án cả chị H và anh P đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy yêu cầu được ly hôn với anh P của chị H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh P.

[2.2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh P có một con chung tên Nguyễn Thị Hà Nhi, sinh ngày 15/6/2009. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Thị Hà Nhi đang sống chung với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hà N. Quá trình giải quyết vụ án cháu Nhi có nguyện vọng được sống chung với chị H, chị H đang là người trực tiếp nuôi con và anh P cũng đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Hà N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giải quyết giao con chung tên Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 15/6/2009 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn P không có vay nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Nội dung phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị Lê Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 266, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Hà N, sinh ngày 15/6/2009 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0009771, quyền số: 000196 ngày 16/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã Quảng Điền, huyện Krông Ana;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đã Ký

VÕ VĂN VÂN